

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 25/01/2021

Về việc: “*Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đức.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 165/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Anh **N.N.H**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số , ấp HT, xã ĐT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

**\* Bị đơn:** Chị **L.T.N**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp Đông Sơn 2, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh N.N.H trình bày như sau:** Anh và chị L.T.N do tìm

hiếu và chung sống với nhau từ năm 2016, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn NS, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 18/9/2017. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.T.N

*Về quan hệ con chung:* Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên N.N.M.N, sinh ngày 30/12/2017, hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đồng (năm trăm ngàn đồng).

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

Do bận công việc không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, anh H có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ chị N đến để tiến hành hòa giải nhưng chị N vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của chị N đối với yêu cầu khởi kiện của anh H.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Anh H được ly hôn chị N. Về con chung: Giao cháu N.N.M.N, sinh ngày 30/12/2017 cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/tháng. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Anh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh N.N.H (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Chị L.T.N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị N chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NS, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 18/9/2017 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng anh H và chị N phát sinh mâu thuẫn, anh H xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, anh H cho rằng do chị N có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã khuyên bảo nhưng chị N không thay đổi nên hai vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 tới nay. Tòa án đã triệu tập chị N để tham gia phiên hòa giải nhưng chị N cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh H thể hiện chị N không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh H và chị N thực tế đã không còn tồn tại, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh H được ly hôn với chị N.

[2.2] Về con chung:

Anh H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên N.N.M.NH, sinh ngày 30/12/2017, hiện nay đang sinh sống với chị N. Sau ly hôn, anh đồng ý giao cháu NH cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu NH, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu NH, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu NH cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ đến khi con chung trưởng thành phù hợp với điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nghĩ cần công nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị N phải tạo điều kiện cho anh H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh H không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa anh H và chị N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con chung) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp nên anh H còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.N.H.

\* Về hôn nhân: Anh N.N.H được ly hôn với chị L.T.N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 110/KH, ngày 18/9/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn giữa anh N.N.H và chị L.T.N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày 25/01/2021)

\* Về con chung: Giao cháu N.N.M.NH, sinh ngày 30/12/2017 cho chị L.T.N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu NH mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), thực hiện từ ngày 25/02/2021 đến khi cháu NH trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

\* Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con chung). Án phí được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003996 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên anh H còn phải nộp thêm 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng).

Anh H và chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Núi Sập;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**